

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 78/2026/HS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải;

Ông Nguyễn Xuân Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 121/2026/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo **Đinh Hữu T.** Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2026/HS-ST ngày 23/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXX-PT ngày 14/9/2026, đối với bị cáo:

Đinh Hữu T., sinh ngày 20/02/1981 tại tỉnh Quảng Trị; CCCD số: 044081008029, cấp ngày 27/7/2023; nơi cư trú: **Thôn X (nay là thôn X), xã T, tỉnh Quảng Trị**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông **Đinh Hữu C** (đã chết) và bà **Trần Thị L**; vợ: **Nguyễn Thị D**; có 01 người con sinh 2008;

Tiền án: 04 tiền án: Ngày 29/4/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2007; ngày 17/6/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2009; ngày 07/7/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2014; ngày 09/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An xử phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2023.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 13/10/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 18/01/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Xuân K không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 08/01/2026, Đinh Hữu T gọi cho Nguyễn Văn S thông qua ứng dụng “Messenger” để nhờ Sáng đưa sạc điện thoại đến cho T. Lúc này Nguyễn Xuân K đang ngồi chơi tại nhà S nên S rủ K đi cùng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn S cùng Nguyễn Xuân K đến quán bi-a “Long” của Đinh Hữu T tại thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị để đưa sạc điện thoại cho Đinh Hữu T. Khi Nguyễn Văn S và Nguyễn Xuân K vào phòng ở phía sau quán bi-a “L1”, trong phòng chỉ có một mình Đinh Hữu T, Đinh Hữu T mang ra 01 (một) gói ma túy tổng hợp dạng hồng phiến để trên ghế sofa và nói “Chơi đi”. Nguyễn Văn S và Nguyễn Xuân K nghe Đinh Hữu T nói vậy hiểu ý của Đinh Hữu T là rủ và cho Nguyễn Văn S cùng Nguyễn Xuân K sử dụng ma túy nên Nguyễn Xuân K lấy từ trong gói ma túy của Đinh Hữu T ra 02 (hai) viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến rồi để lên “máng tự chế” dùng bật lửa đốt sử dụng bằng cách hút qua đường miệng. “Chai nhựa tự chế”, “máng tự chế”, bật lửa được Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn S dùng để sử dụng ma túy là của Đinh Hữu T, có sẵn trong phòng từ trước. Nguyễn Xuân K hút được 02 (hai) hơi rồi tiếp tục đưa sang cho Nguyễn Văn S sử dụng. Nguyễn Văn S hút 02 (hai) hơi ma túy xong thì đặt chai nhựa tự chế xuống nền nhà. Sau khi Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn S sử dụng hết 02 (hai) viên ma túy hồng phiến thì Đinh Hữu T nghe thấy tiếng cơ quan Công an đến nên T chạy lại tắt điện, lấy số ma túy còn lại nhét về phía ô thông gió trong phòng để cất giấu. Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại ô thông gió 01 (một) gói giấy, bên trong có chứa 05 (năm) viên nén hình tròn, màu hồng, trên một mặt mỗi viên có in chữ “WY”. Đinh Hữu T khai nhận 02 (hai) viên ma túy hồng phiến Nguyễn Xuân K và Nguyễn Văn S đã sử dụng hết cùng với 05 (năm) viên ma túy hồng phiến

bị thu giữ là ma túy tổng hợp dạng hồng phiến **T** mua từ một nam thanh niên tên “Nhỏ” tại khu vực chân cầu **T** thuộc địa phận xã N, tỉnh Quảng Trị với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Đinh Hữu T**, **Nguyễn Xuân K** và **Nguyễn Văn S**, tạm giữ và niêm phong toàn bộ tang vật có liên quan.

Tại Kết luận giám định số: 76/KL-KTHS, ngày 15/01/2026, Phòng KI Công an tỉnh Q, kết luận: 05 (năm) viên nén hình tròn, màu hồng, trên một mặt mỗi viên có in chữ “WY” là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0,524g (không phải năm trăm hai mươi bốn gam). Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 247, Danh mục IIC, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2026/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị, đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Đinh Hữu T** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **Nguyễn Xuân K** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đinh Hữu T** 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Đinh Hữu T** phải chịu 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 08/01/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân K** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 08/01/2026.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/7/2026, bị cáo **Đinh Hữu T** có đơn kháng cáo với lý do: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái quy định của pháp luật; trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Đinh Hữu T** khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã xác định và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đinh Hữu T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/7/2026, bị cáo **Đinh Hữu T** có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm. Đơn kháng cáo do bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, bảo đảm về chủ thể, hình thức và nội dung theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Đinh Hữu T** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị cáo **Nguyễn Xuân K**, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ ngày 08/01/2026, tại phòng ở phía sau quán B-a “L1” **Đinh Hữu T** đã có hành vi đưa ma túy tổng hợp dạng hồng phiến ra, nói “chơi đi”, đồng thời có sẵn chai nhựa tự chế, máng tự chế và bật lửa để **Nguyễn Xuân K** và **Nguyễn Văn S** sử dụng 02 viên ma túy. Khi phát hiện lực lượng Công an đến kiểm tra, **T** cất giấu số ma túy còn lại tại ô thông gió. Kết luận giám định xác định 05 viên nén thu giữ là Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,524 gam. Bị cáo thực hiện hành vi tổ chức cho 02 người sử dụng trái phép chất ma túy và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đồng thời tàng trữ trái phép 0,524 gam Methamphetamine và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Đinh Hữu T** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Đinh Hữu T**, Hội đồng xét xử thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố là người có công với cách mạng nên

được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 04 tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Với nhân thân nêu trên và việc cùng lúc thực hiện hai tội phạm về ma túy, mức hình phạt 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết cho rằng ông ngoại của bị cáo có công với cách mạng nhưng tình tiết mới không làm thay đổi căn cứ lượng hình. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Đinh Hữu T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đinh Hữu T** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2026/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

2. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đinh Hữu T** 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Đinh Hữu T** phải chịu 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 08/01/2026.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo **Đinh Hữu T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Quảng Trị;
- VKSND khu vực 4;
- TAND khu vực 4;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam số 2;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoài Thuỷ